

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày: 04/11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn H.

Bà Diệp Thị Thu N.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Dương Ngọc S - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/HS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T , sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp T , xã V , huyện T , tỉnh A ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S , sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1955; anh chị em ruột có bốn người, bị cáo là người thứ tư; vợ là Nguyễn Thị H , sinh năm 1990; con có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: anh Quách Văn T , sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp T , xã V , huyện T , tỉnh A .

Người làm chứng:

1. Chị Trịnh Thị Minh N , sinh năm 1986.

Nơi cư trú: ấp Mỹ T , xã M, huyện C, tỉnh A .

Chỗ ở hiện nay: ấp P , thị trấn P , huyện T , tỉnh A .

2. Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 25/5/2021, Nguyễn Văn T mang theo cây kim, một mình đi bộ đến khu vực ấp T, xã V, huyện T với mục đích tìm tài sản lấy trộm. Đến đây, T dùng kim cắt ổ khóa cửa rào và ổ khóa cửa nhà chính của anh Quách Văn T, đột nhập vào trong lấy một điện thoại di động hiệu Samsung A750 để tại vách ngăn nhà trước và nhà sau. T tiếp tục dùng cây kéo trong nhà anh T cạy mở ngăn tủ trên cùng lấy số tiền 67.100.000 đồng bỏ vào bọc nilon màu đen, đem về nhà cất giấu vào cốp xe mô tô 67M1-759.92, đến khoảng 06 giờ T thức dậy phát hiện cửa nhà bị phá nên kiểm tra phát hiện mất số tài sản trên. Khi anh T xem lại camera nghi vấn T nên đến Công an xã V trình báo.

Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày 25/5/2021, do điện thoại có cài mật khẩu nên T đem điện thoại đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động “Đ” của chị Trịnh Thị Minh N ở ấp P, thị trấn P, huyện T chạy lại chương trình và điều khiển xe đến quán cà phê ở chợ V uống nước chờ lấy điện thoại thì Công an xã V mời về trụ sở làm việc. T đầu thú về hành vi lấy trộm điện thoại và số tiền 67.100.000 đồng của anh T.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A750, màu đen, không có gắn thẻ sim, thẻ nhớ;

- 01 xe mô tô biển số 67M1-759.92, số máy JC35E2411431, số khung 350X8Y311499, nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu đen - xám;

- 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài 22cm, cán bọc nhựa màu bạc; 01 cây kim bằng kim loại màu trắng, chiều dài 19cm, cán được bọc nhựa màu đỏ; 01 cây tua vít bằng kim loại màu trắng, chiều dài 26cm, tay cầm được bọc nhựa màu xanh - đen;

- 01 áo sơ mi ngắn tay màu nâu, có hình hoa văn màu vàng; 01 quần jean dài màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi dép cao su quai kẹp màu xanh đen;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím - đỏ, sử dụng 01 sim số thuê bao: 0898017428;

- Tiền Việt Nam: 69.564.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐ ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, xác định:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A750, màu đen, trị giá 1.675.000 đồng.

- 02 sim điện thoại Viettel, Mobifone, trị giá 140.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 1.815.000 đồng.

Ngày 27/5/2021, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thoại khởi tố, tạm giam để điều tra.

Các ngày 01/6/2021 và 01/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trao trả số tiền 67.100.000 đồng và điện thoại di động hiệu Samsung A750 cho anh Quách Văn T .

Cáo trạng số: 50/CT-VKS-TS ngày 07/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh A truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, khẳng định hành vi của bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: do bị hại nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy 01 cây kim bằng kim loại màu trắng, chiều dài 19cm, cán được bọc nhựa màu đỏ; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài 22cm, cán bọc nhựa màu bạc; 01 cây tua vít bằng kim loại màu trắng, chiều dài 26cm, tay cầm được bọc nhựa màu xanh - đen; 01 áo sơ mi ngắn tay màu nâu, có hình hoa văn màu vàng; 01 quần jean dài màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi dép cao su quai kẹp màu xanh đen. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T : 01 xe mô tô: biển số 67M1-59.92, số máy JC35E2411431, số khung 350X8Y311499, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen - xám; số tiền 2.464.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím - đỏ, sử dụng 01 sim số thuê bao: 0898017428.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát mô tả. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ và hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Quách Văn T , chị Nguyễn Thị C (vợ T) trình bày: việc bị mất trộm tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát nêu và lời khai của bị cáo; anh T đã nhận lại tài sản, riêng 02 sim điện thoại bị mất không yêu cầu bồi thường, đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật (Bút lục: 06, 07, 130, 131).

Người làm chứng chị Trịnh Thị Minh N trình bày: chị có nhận sửa điện thoại di động hiệu Samsung A750. Chị N không biết điện thoại này là do trộm cắp mà có, chị đã giao nộp 01 điện thoại cho Cơ quan điều tra, không yêu cầu bồi thường chi phí sửa điện thoại. (Bút lục: 132, 133).

Người làm chứng anh Trần Hoàng A trình bày: xe mô tô biển số 67M1-759.92 của Hoàng A đứng tên chủ sở hữu. Sau đó, anh đã bán lại cho người khác nhưng không nhớ rõ là ai. Khi bán xe, anh Hoàng A đã nhận đủ tiền nên không yêu cầu gì. (Bút lục: 134, 135).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sau khi vụ án xảy ra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các biên bản của hoạt động tố tụng, thể hiện: khoảng 00 giờ 15 phút ngày 25/5/2021, Nguyễn Văn T từ nhà đi bộ đến nhà anh Quách Văn T thuộc khu vực ấp T, xã V, huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Đến nơi, T dùng kim cắt ổ khóa cửa rào và ổ khóa cửa nhà chính của anh Quách Văn T, đột nhập vào trong lấy một điện thoại di động hiệu Samsung A750; T tiếp tục dùng cây kéo trong nhà anh T cạy mở ngăn tủ trên cùng lấy số tiền 67.100.000 đồng bỏ vào bọc nilon màu đen, đem về nhà cất giấu vào cốp xe mô tô 67M1-759.92.

Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày 25/5/2021, T đem điện thoại đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động “Đ” của Trịnh Thị Minh N ở ấp P, thị trấn P, huyện T chạy lại chương trình và điều khiển xe đến quán cà phê ở chợ V uống nước chờ lấy điện thoại thì Công an xã V bắt giữ.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 65/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, định giá giá trị tài sản như sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A750, màu đen, chất lượng còn lại khoảng 50%. Giá trị còn lại: 3.350.000 đồng x 50% = 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- 01 (Một) sim điện thoại Viettel, chất lượng còn lại khoảng 50%. Giá trị còn lại: 140.000 đồng x 50% = 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng);

- 01 (Một) sim điện thoại Mobifone, chất lượng còn lại khoảng 50%. Giá trị còn lại: 140.000đồng x 50% = 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản định giá là 1.815.000 đồng (một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này là 68.915.000 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo lợi dụng chủ sở hữu tài sản đang ngủ say, mất cảnh giác, lén lút trộm cắp tài sản là có lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, vi phạm quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, thấy: ngày 06/9/2001, bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản và phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam. Tại đây, bị cáo phải chịu chế độ giam giữ, quản lý phạm nhân và được giáo dục, học tập, lao động; lẽ ra, khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo phải nhận thức được lỗi lầm, phải biết ăn năn hối cải, thấy được sự răn đe, trừng trị nghiêm khắc của pháp luật; từ đó, phải lao động, làm ăn chân chính để tự nuôi sống bản thân và lo cho gia đình. Ngược lại, muốn có tiền tiêu xài cho thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bất chấp sự trừng trị của pháp luật, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại; điều này thể hiện bị cáo không có ý thức tuân thủ pháp luật.

Với giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại được định lượng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản phạm tội đã trả lại cho chủ sở hữu, đây là tình tiết giảm nhẹ. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Trước đây bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt nhưng với bản chất và sự liều lĩnh, ngày 25/5/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu nên phải chấp hành hình phạt tù để trừng trị và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

[6] Về vật chứng, Hội đồng xét xử thấy:

- Số tiền 67.100.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A750 đã được xử lý bằng biện pháp trao trả cho bị hại là phù hợp; bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Đối với 01 cây kim bằng kim loại màu trắng, chiều dài 19cm, cán được bọc nhựa màu đỏ, 01 áo sơ mi ngắn tay màu nâu, có hình hoa văn màu vàng; 01 quần jean dài màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi dép cao su quai kẹp màu xanh

đen bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy. Riêng 01 cây tua vít bằng kim loại màu trắng, chiều dài 26cm, tay cầm được bọc nhựa màu xanh - đen không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không còn giá trị, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài 22cm, cán bọc nhựa màu bạc là của bị hại đã bị hư hỏng, không còn giá trị, bị hại không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô biển số 67M1-759.92, số máy JC35E2411431, số khung 350X8Y311499, nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu đen - xám; số tiền 2.464.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím. Xét, đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, có căn cứ áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2021.

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy:
 - + 01 cây kìm bằng kim loại màu trắng, chiều dài 19cm, cán được bọc nhựa màu đỏ;
 - + 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài 22cm, cán bọc nhựa màu bạc;
 - + 01 cây tua vít bằng kim loại màu trắng, chiều dài 26cm, tay cầm được bọc nhựa màu xanh - đen;
 - + 01 áo sơ mi ngắn tay màu nâu, có hình hoa văn màu vàng; 01 quần jean dài màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi dép cao su quai kẹp màu xanh đen;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T :
 - + 01 xe mô tô: biển số 67M1-759.92, số máy JC35E2411431, số khung 350X8Y311499, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen - xám;
 - + Số tiền 2.464.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím - đỏ, sử dụng 01 sim số thuê bao: 0898017428.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 44/QĐ-VKSTS ngày 07/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND tỉnh A ;
- Sở Tư pháp tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Cơ quan Điều tra CA huyện T ;
- Cơ quan THA Hình sự huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn H